

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Bản án số: 352/2020/DS-ST
Ngày: 24/9/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Vân
2. Bà Nguyễn Thị Kính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2014/TLST-KDTM, ngày 28 tháng 05 năm 2014, về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2020/QĐXXST-KDTM ngày 27/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2020/QĐST-DS ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V; Trụ sở: Số 02 đường L, Phường A, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng T1, trú tại: 925-925 (ABCD) đường T2, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 25/08/2020)

(Đương sự có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lê Kim T3, sinh năm 1952; Địa chỉ: Số nhà 162/1 đường B, Phường B1, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1952; Địa chỉ: Số nhà 162/1 đường B, Phường B1, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn C: Bà Lê Kim T3, trú tại: Số nhà 162/1 đường B, Phường B1, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số công chứng: 006674/2018/CCBH, quyền số 03.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/9/2018 tại Văn phòng công chứng H, Thành

phố Hồ Chí Minh).

(Đương sự có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1988

3.2. Bà Vũ Thị Xuân M, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Số nhà 162/1 đường B, Phường B1, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 17/4/2014 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa ông Nguyễn Hoàng T1 đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/6/2004 bà Lê Kim T3 được Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V - Chi nhánh T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cho vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0,85%/tháng (theo Hợp đồng tín dụng số 1702-LAV-200400430), hạn trả cuối cùng 04/06/2005, mục đích vay mua nhà.

Để đảm bảo khoản vay trên bà Lê Kim T3 và ông Nguyễn Văn C đã thế chấp cho Ngân hàng căn nhà số 10 G, Phường I, Quận T (theo hợp đồng thế chấp số 137/HĐTC do Phòng công chứng E chứng nhận ngày 14/6/2004, số công chứng 15339 quyển số 6. Bà T3 đã thanh toán xong khoản vay này và nhận lại giấy tờ nhà, do đó Ngân hàng đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện tại Tòa.

Ngày 16/10/2003 bà Lê Kim T3 được Ngân hàng cho vay số tiền là 500.000.000 đồng, thời hạn vay 100 tháng, lãi suất 0,9%/tháng (theo Hợp đồng tín dụng số LAV-200301895), hạn trả cuối cùng 16/02/2012, mục đích vay là để mua nhà ở.

Để đảm bảo khoản vay trên bà Lê Kim T3 và ông Nguyễn Văn C đã thế chấp cho Ngân hàng căn nhà số 162/1 đường B, Phường B1, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo hợp đồng thế chấp số 292/HĐTC do Phòng công chứng số E chứng nhận ngày 16/10/2003, số công chứng 031041 quyển số 09). Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận T ngày 12/09/2017, vào sổ tiếp nhận hồ sơ số thứ tự 78571. Giấy tờ tài sản thế chấp bao gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 01205/2003 do Ủy ban nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/8/2003.

+ Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 10/9/2003

+ Tờ khai nộp tiền sử dụng đất ngày 25/8/2003

+ Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 23/5/2003 do Phòng quản lý đô thị Quận T cấp.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T3 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến nay, ngày 24/9/2020, bà T3 và ông C còn nợ Ngân hàng số tiền là 1.315.072.000đ (Một tỷ ba trăm mười lăm triệu không trăm bảy mươi hai ngàn đồng), trong đó: nợ gốc là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), lãi trong hạn: 654.240.000đ (Sáu trăm năm mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng), lãi quá hạn: 260.832.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu tám trăm ba mươi hai ngàn đồng). Ngân hàng yêu cầu bà T3 và ông C cùng phải chịu trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà T3 và ông C vẫn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng kể từ ngày 25/9/2020 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

Trong trường hợp bà T3 và ông C không thanh toán được số nợ trên thì đề nghị cho phát mãi tài sản đã thế chấp là căn nhà số 162/1 đường B, Phường B1, Quận T để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Kim T3, ông Nguyễn Văn C (có bà Lê Kim T3 là người đại diện hợp pháp cho ông C) trình bày: Bà T3 và ông C thừa nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là đúng và không có ý kiến gì. Bà T3 và ông Nguyễn Văn C có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V 02 lần theo 02 hợp đồng tín dụng như Ngân hàng đã nêu vào ngày 16/10/2003 và ngày 04/6/2004 để vay tổng số tiền là 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng, bà T3 và ông C có thế chấp tài sản cho khoản vay này là 02 căn nhà số 10 G, Phường I, Quận T và số 162/1 đường B, Phường B1, Quận T. Ngày 22/4/2016, bà T3 và ông C đã thanh toán cho Ngân hàng tiền nợ gốc và lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng số 1702-LAV-200400430. Ngân hàng đã tiến hành thu nợ và giải chấp tài sản là nhà và đất tại số 10 G, Phường I, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện nay, bà T3 và ông C xác nhận còn nợ số tiền gốc là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng và tiền lãi phát sinh bao gồm lãi trong hạn là 654.240.000đ (Sáu trăm năm mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng), lãi quá hạn là 260.832.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu tám trăm ba mươi hai ngàn đồng) theo Hợp đồng tín dụng số LAV-200301895 đúng như lời trình bày của Ngân hàng. Tuy nhiên, do bà T3 và ông C đang khó khăn nên xin có thời gian để trả nợ, hạn chót đến cuối tháng 12/2020 bà T3 và ông C sẽ trả dứt khoản nợ trên cho Ngân hàng. Ông Nguyễn Văn C thừa nhận khoản nợ trên là nợ chung của vợ chồng, bà T3 và ông C đã vay tiền để mua căn nhà số 10 G, Phường I, Quận T. Vì vậy, ông C đồng ý cùng chịu trách nhiệm với bà T3 trả nợ cho Ngân hàng. Về yêu cầu của Ngân hàng đề nghị cho phát mãi tài sản đã thế chấp là căn nhà số 162/1 đường B, Phường B1, Quận T để thu hồi nợ cho Ngân hàng trong trường hợp bị đơn không thanh toán được số nợ trên, bà T3 và ông C không có ý kiến gì.

Theo Biên bản về việc tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/6/2020 và lời trình bày của bà T3 tại phiên tòa thì hiện nay tại căn nhà số 162/1 đường B, Phường B1, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh có bà T3, ông C, ông Nguyễn Xuân H1 (là con trai của bà T3, ông C), bà Vũ Thị Xuân M (là con dâu của bà T3, ông C) đang cư trú.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân H1, bà Vũ Thị Xuân M đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không thu thập được lời khai của ông H, bà M và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật, nguyên đơn, chấp hành đúng pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Xuân H1, bà Vũ Thị Xuân M đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, được ký kết giữa một bên có đăng ký kinh doanh, có mục đích lợi nhuận và một bên không có đăng ký kinh doanh, không có mục đích lợi nhuận, vì vậy tranh chấp này là tranh chấp dân sự, do bị đơn là bà Lê Kim T3, ông Nguyễn Văn C có nơi cư trú tại Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V yêu cầu bà Lê Kim T3, ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm thanh toán số nợ với tổng số tiền là 1.315.072.000đ (Một tỷ ba trăm mười lăm triệu không trăm bảy mươi hai ngàn đồng), trong đó: Nợ gốc là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), lãi trong hạn: 654.240.000đ (Sáu trăm năm mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng), lãi quá hạn: 260.832.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu tám trăm ba mươi hai ngàn đồng).

Xét bà Lê Kim T3, ông Nguyễn Văn C đã vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V theo Hợp đồng tín dụng số LAV-200301895 ngày 16/10/2003 nhưng vi phạm hợp đồng, không trả vốn lãi theo thỏa thuận nên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V khởi kiện đòi số tiền còn nợ trên là có căn cứ cần chấp nhận giải quyết vì phù hợp với Điều 467, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 1995.

Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bà Lê Kim T3, ông Nguyễn Văn C (có bà Lê Kim T3 là người đại diện hợp pháp cho ông C) thừa nhận còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V số tiền gốc là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng và tiền lãi phát sinh bao gồm lãi trong hạn là 654.240.000đ (Sáu trăm năm mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng), lãi quá hạn là 260.832.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu tám trăm ba mươi hai ngàn đồng) theo Hợp đồng tín dụng số LAV-200301895 đúng như lời trình bày của Ngân hàng. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V đối với bà Lê Kim T3, ông Nguyễn Văn C về số nợ vốn gốc, nợ lãi là có căn cứ cần chấp nhận.

Xét bà Lê Kim T3, ông Nguyễn Văn C có thể chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V tài sản để bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số LAV-200301895 là: Căn nhà số 162/1 đường B, Phường B1, Quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 292/HĐTC do Phòng công chứng E chứng nhận ngày 16/10/2003, số công chứng 031041 quyển số 09. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Quận T ngày 12/09/2017, vào sổ tiếp nhận hồ sơ số thứ tự 78571. Do vậy, yêu cầu của Ngân hàng về việc đề nghị cơ quan thi hành án dân sự sơ thẩm có thẩm quyền cho phát mãi tài sản trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng trong trường hợp bà Lê Kim T3, ông Nguyễn Văn C không trả được nợ là có căn cứ cần chấp nhận vì phù hợp với các Điều 346, 347, 351, 352, 353, 354, 359 của Bộ luật dân sự 1995.

Bà Lê Kim T3, ông Nguyễn Văn C xin có thời gian để trả nợ, hạn chót đến cuối tháng 12/2020 bà T3 và ông C sẽ trả dứt khoản nợ trên cho Ngân hàng nhưng phía nguyên đơn không chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Xét trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà T3, ông C về khoản vay là 400.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0,85%/tháng (theo Hợp đồng tín dụng số 1702-LAV-200400430 ngày 04/6/2004) nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà Ngân hàng đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ căn nhà số 162/1 đường B, Phường B1, Quận T:

Ngày 26/6/2020 Ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ căn nhà trên với số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Tại đơn yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/6/2020 và phiên tòa hôm nay, Ngân hàng tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ căn nhà số 162/1 đường B, Phường B1, Quận T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm là 51.452.160đ (Năm mươi một triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn một trăm sáu mươi đồng), bà Lê Kim T3 và ông Nguyễn Văn C phải chịu. Xét Đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí đề ngày 24/9/2020 của bà Lê Kim T3 và ông Nguyễn Văn C, Hội đồng xét xử nhận thấy, bà T3 và ông C là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009;

điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 346, 347, 351, 352, 353, 354, 359, 467, 471 của Bộ luật dân sự năm 1995;

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 12 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V.

Buộc bà Lê Kim T3, ông Nguyễn Văn C trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V số tiền nợ là 1.315.072.000đ (Một tỷ ba trăm mười lăm triệu không trăm bảy mươi hai ngàn đồng), trong đó: Nợ gốc là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), lãi trong hạn: 654.240.000đ (Sáu trăm năm mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng), lãi quá hạn: 260.832.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu tám trăm ba mươi hai ngàn đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Sau khi bà Lê Kim T3, ông Nguyễn Văn C trả xong số nợ trên thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V có trách nhiệm giải chấp và giao trả cho bà Lê Kim T3, ông Nguyễn Văn C bản chính các giấy tờ đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 292/HĐTC do Phòng công chứng E chứng nhận ngày 16/10/2003, số công chứng 031041 quyển số 09), bao gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 01205/2003 do Ủy ban nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/8/2003.

+ Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 10/9/2003

+ Tờ khai nộp tiền sử dụng đất ngày 25/8/2003

+ Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 23/5/2003 do Phòng quản lý đô thị Quận T cấp.

Nếu bà Lê Kim T3, ông Nguyễn Văn C không thanh toán số nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: Căn nhà số 162/1 đường B, Phường B1, Quận T (theo hợp đồng thế chấp số 292/HĐTC do Phòng công chứng E chứng nhận ngày 16/10/2003, số công chứng 031041 quyển số 09). Tài sản đã được đăng

ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Quận T ngày 12/09/2017, vào sổ tiếp nhận hồ sơ số thứ tự 78571 để thu hồi nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LAV-200301895 ngày 16/10/2003.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V đối với bà Lê Kim T3, ông Nguyễn Văn C về khoản vay là 400.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0,85%/tháng (theo Hợp đồng tín dụng số 1702-LAV-200400430 ngày 04/6/2004).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V về việc chịu toàn bộ chi phí với số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ căn nhà số 162/1 đường B, Phường B1, Quận T. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

4. Bà Lê Kim T3, ông Nguyễn Văn C được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 51.452.160đ (Năm mươi một triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn một trăm sáu mươi đồng).

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.470.700đ (Ba mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi ngàn bảy trăm đồng) theo biên lai thu số 03085 ngày 26/5/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V, bà Lê Kim T3, ông Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Xuân H1, bà Vũ Thị Xuân M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày bản án được giao cho ông H1, bà M hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Ánh Minh

